

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2020
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2020/QDST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lan P**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: tổ 10A, ấp 1, xã Bình Hàng T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện sinh sống: ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ X, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Cổ Như S**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: tổ 10A, ấp 1, xã Bình Hàng T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/02/2020, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 13/5/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Lan P là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Cổ Như S được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau vào năm 2011, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hàng T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 22/01/2016.

Vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Từ năm 2015, đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị P phát hiện anh S tham gia chơi cờ bạc và

mượn nợ người khác, chị P nhiều lần tha thứ và khuyên ngăn nhưng anh S vẫn không sửa đổi. Thời gian chị P đang mang thai nên trở về nhà cha ruột sinh sống nhưng anh S cũng ít quan tâm đến vợ con nên vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm.

Chị P, anh S đã ly thân với nhau từ đầu năm 2015 cho đến nay. Sau khi ly thân không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Anh S vẫn về thăm con nhưng giữa vợ chồng không thể giải quyết được mâu thuẫn để tiếp tục chung sống.

Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Nguyễn Thị Lan P yêu cầu xin ly hôn với anh Cổ Như S.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên Cổ Như T, sinh ngày 24/01/2015. Hiện nay, con chung đang sống với chị P, con chung phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi con chung Cổ Như T, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Cổ Như S đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Lan Phương có đơn yêu cầu ly hôn với anh Cổ Như S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Cổ Như S là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: tổ 10A, ấp 1, xã Bình Hàng T, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Cổ Như S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Cổ Như S.

2. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử nhận định: Chị P và anh S kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hàng T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 22/01/2016, do đó hôn nhân giữa chị P và anh S là hợp pháp. Anh S đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết được nội dung chị P yêu cầu xin ly hôn với anh S, nhưng không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình chung sống, chị P cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S không quan tâm đến vợ con, không lo làm ăn, chị P đã nhiều lần khuyên nhưng anh S không sửa đổi. Từ năm 2015 đến nay, chị P và anh S đã sống ly thân. Sau khi ly thân vợ chồng không ai có ý định tiến hành hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị P và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp theo quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống, chị P và anh S có 01 con chung tên Cổ Như T, sinh ngày 24/01/2015. Hiện nay, con chung đang sống với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung sống với chị P đã ổn định, được chăm sóc chu đáo, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, giao con chung tên Cổ Như T, sinh ngày 24/01/2015 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không có yêu cầu.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai số 0009624 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lan P.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan P được ly hôn với anh Cổ Như S.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lan P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Cổ Như T, sinh ngày 24/01/2015. Anh Cổ Như S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009624 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Hà